ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3100/QĐ-UBND	*TP. Vĩnh Long, ngày 21 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin tại Tờ trình số 321/TTr-PVH&TT ngày 03/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin chủ trì, phối hợp vơi Thủ trưởng các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND thành phố, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Thủ trưởng các ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND 11 phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở TT&TT tỉnh VL;
- Ủy ban MTTQVN TPVL;
- Các Tổ chức CT-XH TPVL;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TPVL;
- CT, các PCT UBND TPVL;
- Lãnh đạo VP;
- Ban BT Cổng TTĐT TPVL;
- Lưu: V/T, 5.03.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

Đặng Văn Lượng

ỦY BAN NHÂN DÂN THANH PHỐ VĨNH LONG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

(Kèm Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND TPVL)

Thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Thực hiện Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 16/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

UBND thành phố Vĩnh Long ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long và Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Triển khai đồng bộ, sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và người dân về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của việc chuyển đổi số đối với sự phát triển chung của thành phố.

- Xác định rõ các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm, cấp bách cần ưu tiên thực hiện đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Từ đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, phấn đấu đạt các mục tiêu chỉ đạo của Chương trình, Kế hoạch chuyển đổi số cho từng giai đoạn và từng năm.

- Các nội dung, nhiệm vụ Kế hoạch hành động phải được triển khai đồng bộ, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Giai đoạn đến năm 2025 *(có Phụ lục mục tiêu cụ thể và phân công trách nhiệm, triển khai các hoạt động chuyển đổi số trọng tâm kèm theo)*

2. Giai đoạn từ năm 2025 đến năm 2030

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Các cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, chia sẻ trên toàn tỉnh, từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, người dân khai báo một lần sử dụng trọn đời.

- 100% tổng số hồ sơ công việc tại cấp thành phố và 100% tổng số hồ sơ công việc tại cấp phường được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% đơn vị cấp thành phố, phường thực hiện chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số bằng nhiều hình thức trực tuyến, trực tiếp.

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp theo chỉ đạo của tỉnh.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố thực hiện chuyển đổi số.

- Phấn đấu thực hiện trên 03 sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của thành phố.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ người dân có tài khoản thanh toán điện tử trên 70%.

- 90% các cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm trạm y tế phường có triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa.

- 90% người dân các phường có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt.

- 90% cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- 100% người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh (data.vinhlong.gov.vn).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị mình; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Cấp ủy các cấp ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chuyển đổi số, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của ngành, địa phương; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành.

- Phát huy vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức, trường học, doanh nghiệp; giữa các tổ chức hội, hiệp hội ngành nghề …trên các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung, chính sách pháp luật để nâng cao nhận thức cho người dân và toàn xã hội về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số.

- Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan Nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hóa.

- Chủ động lựa chọn 01 phường để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến, các ứng dụng, dịch vụ chính quyền điện tử/chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân. Từ đó đánh giá hiệu quả và mở rộng thực hiện.

1.2. Kiến tạo thể chế

- Giao cơ quan chuyên môn phụ trách tham mưu cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử đảm bảo phù hợp quy định của Chính phủ về Chính phủ số, chính quyền số và áp dụng, đảm bảo đồng bộ và phù hợp quy định pháp luật hiện hành.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy, thiết lập mạng lưới đơn vị chuyên trách và nhân sự hỗ trợ triển khai từ thành phố đến phường để triển khai chính quyền số, chuyển đổi số đúng theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ doanh nghiệp, xã hội để đầu tư chuyển đổi số theo hướng: Khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho chuyển đổi số.

- Thúc đẩy, tạo môi trường cho phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, phương thức hoạt động và quản trị của doanh nghiệp phù hợp với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

1.3. Phát triển hạ tầng số

- Hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng bưu chính sẽ phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử, logistics, đẩy mạnh dịch vụ bưu chính công ích phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển và vận hành hạ tầng mạng chuyên dùng, mạng diện rộng ổn định, an toàn, thông suốt từ thành phố đến các phường và kết nối, đồng bộ với tỉnh theo kiến trúc chính quyền điện tử, kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh để phục vụ chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan Nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet; mở rộng kết nối các thiết bị Internet vạn vật (IoT) do các cơ quan Nhà nước triển khai, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật.

1.4. Phát triển nền tảng số

- Tiếp tục kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong tỉnh, thành phố và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo kiến trúc chính quyền điện tử để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan.

- Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số, bảo đảm không trùng lặp, cập nhật, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quy mô quốc gia theo yêu cầu và thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Thực hiện chia sẻ, tích hợp dữ liệu chuyên ngành của các Bộ, ngành, Trung ương với địa phương; mở dữ liệu của các cấp, các ngành trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông từ năm 2023 đến năm 2025.

- Tiếp tục cung cấp nền tảng dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng có hiệu quả; xây dựng nền tảng di động kết nối các ứng dụng, dịch vụ phục vụ chính quyền số.

- Xây dựng nền tảng phục vụ người dân hướng đến các dịch vụ về giao thông, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình, an ninh trật tự, an sinh xã hội, nông nghiệp, môi trường,…; đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Đảm bảo 100% phần mềm, ứng dụng được đầu tư xây dựng đều được thiết kế tài liệu trực tuyến.

1.5. Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tập trung nguồn lực đảm bảo an toàn thông tin dùng chung nhằm tối ưu về kinh phí phát huy hiệu quả tối đa các giải pháp an toàn thông tin; nâng cao năng lực chuyên môn, hoạt động chuyên nghiệp, gắn kết, hợp tác, kết nối chặt chẽ, đảm bảo điều phối kịp thời, phối hợp đồng bộ, hiệu quả các lực lượng để ứng cứu sự cố mất an toàn thông tin mạng, chống tấn công mạng.

- Triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp, tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chuyên trách về an toàn, an ninh mạng, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

- Trang bị thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số; đảm bảo an toàn, an ninh mạng; bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

- Thường xuyên tổ chức các cuộc rà quét, xử lý bóc gỡ mã độc trên các máy tính trong các cơ quan Đảng, Nhà nước; tham gia đầy đủ các lớp diễn tập, hội thảo, tập huấn, đào tạo về an toàn thông tin.

1.6. Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số

- Hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển và khuyến khích các doanh nghiệp truyền thống ứng dụng các công nghệ vào hoạt động sản xuất, thương mại.

- Phối hợp các doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng lưới bưu chính công ích.

1.7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo; cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Nhà nước về Chính phủ số, chính quyền số, khung kiến trúc Chính phủ điện tử/Chính phủ số, kiến trúc Chính quyền điện tử/Chính quyền số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Tập trung đào tạo chuyên sâu nguồn nhân lực chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước để hình thành đội ngũ chuyên nghiệp, tạo đầu mối trong công tác tham mưu, định hướng triển khai chuyển đổi số của thành phố.

- Đảm bảo bố trí cán bộ chuyên trách kỹ thuật công nghệ thông tin đủ trình độ tham mưu triển khai công nghệ thông tin và an toàn thông tin, cụ thể cấp thành phố 02 cán bộ/đơn vị, cấp phường 01 cán bộ/đơn vị.

- Nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước; triển khai các hệ thống làm việc từ xa bằng nhiều hình thức làm việc phù hợp với các đối tượng, bảo đảm kế thừa, kết nối với các hệ thống thông tin của tỉnh đã triển khai.

- Hàng năm, cử cán bộ, công chức tham dự đầy đủ các hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các cấp về phát triển ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới chính quyền số.

2. Phát triển chính quyền số

Phát triển nền tảng bảo đảm tuân thủ kiến trúc chính quyền điện tử và kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh; phát triển các nền tảng theo hướng cung cấp dịch vụ đồng bộ, thông suốt các cấp hành chính. Các nền tảng, ứng dụng và dịch vụ quy mô cấp thành phố phải được làm trước, làm tập trung và đảm bảo sẵn sàng kết nối, chia sẻ với nền tảng quy mô quốc gia:

2.1. Bảo đảm lãnh đạo các đơn vị được trang bị thiết bị thông minh nhằm thực hiện điều hành trên môi trường số; 100% cán bộ, công chức, viên chức cần sử dụng máy tính trong công việc được trang bị máy tính với cấu hình đáp ứng triển khai các ứng dụng.

2.2. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các cơ quan, ban ngành thành phố và các phường, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan Nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

2.3. Thực hiện gắn kết chặt chẽ giữa cải cách thủ tục hành chính với phát triển Chính phủ số, chính quyền số. Theo thẩm quyền, rà soát các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong các cơ quan Nhà nước theo hướng đơn giản hóa hoặc thay đổi, đề xuất cấp có thẩm quyền thay đổi phù hợp nhằm ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

2.4. Phát triển, hoàn thiện hệ thống một cửa liên thông cấp thành phố, phường; thực hiện kết nối, đồng bộ với Cổng dịch vụ công của tỉnh, của quốc gia để cung cấp các dịch vụ trực tuyến toàn trình theo quy định; đảm bảo kết nối, giám sát am toàn thông tin.

2.5. Triển khai các nền tảng dùng chung của tỉnh đã triển khai trên địa bàn thành phố dành cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện xử lý các công việc, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố trên không gian làm việc số; đảm bảo kết nối, tích hợp với các hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành vào kho dữ liệu của tỉnh từng bước hình thành một nền tảng hỗ trợ toàn bộ hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố.

2.6. Thực hiện kết nối và chia sẻ dữ liệu: hạ tầng đô thị; dữ liệu hệ thống thông tin địa lý GIS; dữ liệu trường học, giáo viên, học sinh; dữ liệu đất đai; dữ liệu giám sát môi trường; dữ liệu chuyên ngành; hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội; kết nối dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

2.7. Áp dụng công nghệ mới về truyền thông xã hội (Social), cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên mạng di động (Mobile), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo/thực tế tăng cường (VR/AR) để thực hiện chuyển đổi số toàn diện các mặt công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big data), di động (Mobility), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ chính quyền số của tỉnh để tiết kiệm thời gian, chi phí xây dựng, vận hành các hệ thống thông tin và tự động hóa, thông minh hóa, tối ưu hóa các quy trình xử lý.

2.8. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ ứng dụng vào chuyển đổi số tại địa phương. Hàng năm, bố trí kinh phí Nhà nước nghiên cứu, giao nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi số với tỉ lệ tối thiểu 10% kinh phí cấp cho nhiệm vụ khoa học công nghệ.

2.9. Thực hiện chuyển đổi số và phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp với điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội ở địa phương như: Ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, y tế, giáo dục, quản lý trật tự tuân thủ khung tham chiếu ICT, kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh và bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, dàn trải, lãng phí.

2.10. Triển khai các kênh tương tác trên môi trường số để người dân, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến, kiến nghị và giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, các quyết định của hệ thống chính trị.

2.11. Bảo đảm kinh phí, phấn đấu tỷ lệ chi cho chuyển đổi số, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số trong tổng chi ngân sách nhà nước (tối thiểu 1% ngân sách nhà nước). Ưu tiên bố trí đầu tư công để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng, cơ sở dữ liệu, nền tảng, các ứng dụng, dịch vụ... Huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để phát triển chính quyền số; tăng cường thực hiện giải pháp thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

3. Phát triển kinh tế số

3.1. Triển khai chương trình, kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số.

3.2. Tăng cường triển khai, phổ biến các hệ thống hạ tầng và dịch vụ nhằm hỗ trợ phát triển thương mại điện tử; kết nối nền tảng thương mại điện tử.

3.3. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

3.4. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, đào tạo kỹ năng chuyển đổi số cho người lao động bằng nhiều hình thức đa dạng, phù hợp, trong đó chú trọng trang bị cho người lao động có nhu cầu từ kỹ năng thanh toán điện tử, các nền tảng thương mại điện tử, dịch vụ công trực tuyến một phần và toàn trình đến các ứng dụng trong chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh.

4. Phát triển xã hội số

4.1. Tuyên truyền, phổ biến cho người dân nhận thức về sự cần thiết của chuyển đổi số, từ đó hình thành thái độ và sẵn sàng tự trang bị kỹ năng để tham gia vào quá trình chuyển đổi số của thành phố.

4.2. Cơ quan Nhà nước chủ động cung cấp dịch vụ mới, kịp thời đáp ứng yêu cầu của người dân. Người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận lợi, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

4.3. Người dân, doanh nghiệp và các tổ chức khác có thể dễ dàng tham gia ý kiến đóng góp cho hoạt động của các cơ quan, phản ánh những vấn đề xã hội xung quanh mình tới cơ quan Nhà nước và nhận được ý kiến phản hồi về sự tham gia, kết quả tham gia của mình trên không gian mạng thông qua ứng dụng dùng chung cho công dân.

5. Thực hiện chuyển đổi số trên các lĩnh vực ưu tiên

5.1. Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Đổi mới phương thức quản lý, điều hành trên nền tảng dữ liệu tập trung. Nội dung và chương trình giáo dục, đào tạo thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển; tận dụng công nghệ số để tăng khả năng tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng. Số hóa tài liệu, giáo trình, xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Chuyển đổi số 70% cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

5.2. Về lĩnh vực y tế: Từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa.

5.3. Về lĩnh vực văn hóa, du lịch: Xây dựng hình ảnh, con người thành phố thân thiện, văn hóa trên không gian mạng, gắn với bảo đảm an ninh, quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội; xây dựng thư viện số; kết nối Cổng thông tin du lịch của tỉnh đảm bảo tích hợp đầy đủ thông tin, công cụ phục vụ phát triển du lịch, hỗ trợ khách du lịch có thể tìm hiểu dễ dàng, chi tiết hơn về các địa điểm du lịch và góp phần thu hút khách du lịch. Trong đó, hoàn thiện các ứng dụng trên thiết bị di động; tiếp tục phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về du lịch, đảm bảo đầy đủ thông tin phục vụ du khách.

5.4. Về lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp. Thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản…Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp ứng phó biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh. Cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số,… Hướng dẫn, khuyến khích nông dân thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp.

5.5. Về lĩnh vực giao thông: Triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận tải và logistics. Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện giao thông.

5.6. Về lĩnh vực tài nguyên và môi trường: Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quản lý đất đai; bản đồ số; vận hành hệ thống quan trắc môi trường tự động để quản lý, giám sát, cảnh báo ô nhiễm môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Các ban, ngành thành phố chủ động xây dựng nhiệm vụ, dự án, đề án, lập dự toán chuyển đổi số gửi cơ quan chuyên môn về kế hoạch, tài chính thẩm định và trình UBND thành phố quyết định; UBND các phường căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

- Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố Vĩnh Long

Tham mưu UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này phù hợp chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tế của đơn vị, địa phương, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu theo từng giai đoạn, từng năm; xây dựng, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố Vĩnh Long (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo chuyển đổi số)

- Chủ trì, tham mưu cho UBND thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch hành động này, cụ thể hóa xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số hàng năm của thành phố.

- Tham mưu cho UBND thành phố tổ chức hoạt động kết nối, hợp tác với các doanh nghiệp viễn thông để hỗ trợ nghiên cứu, triển khai, cung cấp các nền tảng, giải pháp, dịch vụ công nghệ số phù hợp cho các ban, ngành, địa phương. Triển khai cơ chế phối hợp bảo đảm an toàn thông tin mạng, chủ động phòng ngừa, phối hợp khắc phục, xử lý khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của các ban, ngành, địa phương. Hàng năm, tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng xây dựng chính quyền số, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động

của cơ quan hành chính nhà nước. Định kỳ hàng quý tổng hợp báo tình hình triển khai và kết quả thực hiện về UBND thành phố, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số thành phố.

- Phối hợp Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND thành phố ưu tiên bố trí kinh phí cho việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số cho đội ngũ lãnh đạo và đào tạo, tập huấn trang bị, phát triển kỹ năng số, bảo đảm an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức, viên chức.

3. Phòng Nội vụ thành phố Vĩnh Long

Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin tổ chức đẩy mạnh phát triển chính quyền số gắn kết với cải cách hành chính; tham mưu cho UBND thành phố ban hành cơ chế, chính sách đối với bộ máy, đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Vĩnh Long

Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành thành phố tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và theo khả năng cân đối ngân sách thành phố cho đầu tư phát triển theo lộ trình giai đoạn, hàng năm cho các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của thành phố.

5. Phòng Kinh tế thành phố Vĩnh Long

Phối hợp với các ban, ngành thành phố tham mưu UBND thành phố triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ; chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, nhất là các dự án, đề tài khoa học ứng dụng nền tảng, dịch vụ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, các giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ để triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nền tảng của chính quyền số, đô thị thông minh và kinh tế số.

6. Văn phòng HĐND&UBND thành phố Vĩnh Long

Tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố; Tăng cường sử dụng văn bản điện tử và hiện đại hóa công tác hội họp của UBND thành phố; thực hiện chuyển đổi số trong công tác giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp theo quy định, đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả.

7. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao thành phố Vĩnh Long

Phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành thành phố và UBND các phường để thực hiện tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng phát sóng, số lượng tin, bài

để phổ biến kiến thức, kỹ năng tiếp cận, sử dụng công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

8. Các ban, ngành thành phố và UBND các phường

- Căn cứ Kế hoạch hành động này, Thủ trưởng các ban, ngành thành phố, Chủ tịch UBND các phường, chủ động chỉ đạo, điều hành, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ cho đơn vị mình để làm cơ sở triển khai thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng, tập trung thực hiện các giải pháp theo chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ được giao tại Phụ lục Kế hoạch này.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về vai trò, ý nghĩa và lợi ích trong chuyển đổi số đến cán bộ, công chức, viên chức, các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

- Tranh thủ tối đa sự hướng dẫn, hỗ trợ từ Sở, ngành tỉnh để thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số chuyên ngành, lĩnh vực. Khuyến khích huy động, khai thác các nguồn lực xã hội cho chuyển đổi số thông qua hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bằng các hình thức nhà nước thuê dịch vụ sẵn có, hợp tác công - tư, sử dụng quỹ phát triển sự nghiệp,... Tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp được tiếp cận với các ứng dụng kinh tế số để phát triển sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, giao dịch thương mại được thuận lợi hơn.

- Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực thực hiện chuyển đổi số, đẩy mạnh phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Định kỳ hàng quý, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện chuyển đổi số về Phòng Văn hóa và Thông tin để tổng hợp báo cáo UBND thành phố gửi UBND tỉnh và Thành ủy Vĩnh Long.

9. Đề nghị các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin hoạt động trên địa bàn thành phố

- Phối hợp, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử và triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại thành phố.

- Tham gia tư vấn các giải pháp tạo nền móng và cung cấp các nền tảng, ứng dụng, dịch vụ số phù hợp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn thành phố để thực hiện phát triển chính quyền số, kinh tế số, công dân số, xã hội số theo mục tiêu đã đề ra trong Kế hoạch này.

10. Đề nghị Văn phòng Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố chủ động tham mưu chỉ đạo, hướng

dẫn, tổ chức thực hiện chuyển đổi số trong hoạt của cơ quan Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; phối hợp quán triệt, vận động đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia tiến trình chuyển đổi số toàn diện của thành phố Vĩnh Long.

11. Đề nghị Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò xung phong, đi đầu của lực lượng đoàn viên, thanh niên trong tham gia, hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn thành phố.

12. Đề nghị Liên đoàn Lao động thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch phù hợp nhằm phát huy vai trò, tính tích cực, chủ động, sáng tạo của đoàn viên, người lao động trong tham gia chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đồng thời phát triển công dân số trên địa bàn thành phố.

13. Đề nghị Hội Nông dân thành phố tích cực tham gia, phối hợp thực hiện các Chương trình, hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số trong hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử…

Yêu cầu Thủ trưởng các ban, ngành thành phố, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc báo cáo về UBND thành phố (qua Phòng Văn hóa và Thông tin) để xem xét, điều chỉnh phù hợp./.

Phụ lục

MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THAM MƯU, TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRỌNG TÂM

(Kèm Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của UBND TPVL)

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	I. CHÍNH QUYỀN SỐ						
1.	Duy trì tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình đủ điều kiện theo quy định	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
2.	Duy trì tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau (máy tính, điện thoại, máy tính bảng, …)	80%	80%	80%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
3.	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	50%	80%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các cơ quan, ban ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
4.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền	90%	95%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
5.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	80%	>80%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
6.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp tối thiểu hài lòng về việc giải quyết thủ	95%	95%	>95%	Các ban, ngành thành phố và	Phòng Nội vụ TPVL, Văn	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	tục hành chính				UBND 11 phường	Phòng HĐND&UBND TPVL	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
7.	Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan Nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài Nhà nước	30%	40%	>50%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn Phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
8.	Tỷ lệ cổng dịch vụ công hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan Nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số	80%	90%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
9.	Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan Nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	90%	95%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
10.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	95%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
11.	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) tại thành phố	60%	70%	80%	Các ban, ngành thành phố	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
12.	Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước) tại phường	40%	50%	60%	UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							Long.
13.	Tỷ lệ hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	90%	95%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Nội vụ; Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
14.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị sử dụng chữ ký số theo quy định	100%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
15.	Tỷ lệ chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đồng thời đảm	90%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	bảo thực hiện kết nối đồng bộ và liên tục phục vụ chia sẻ dữ liệu với kho dữ liệu của tỉnh						Long.
16.	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện thông qua hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	90%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
17.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần	80%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
18.	Tỷ lệ CBCC, viên chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	50%	70%	100%	Công an TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
19.	Tỷ lệ nội dung chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch... được thực hiện trực tuyến	50%	60%	>70%	Phòng Nội vụ TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long; Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long.
20.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	50%	70%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
21.	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	25%	40%	50%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
22.	Tỷ lệ các cơ quan khối chính quyền, đảng, đoàn thể, các cơ quan trung ương trên địa bàn đảm bảo kết nối hệ thống mạng với Trung tâm Tích hợp dữ liệu của tỉnh theo đúng quy định	90%	100%	100%	Các ban, ngành, khối đảng, đoàn thể thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
23.	Tỷ lệ mạng lưới, hệ thống thông tin ứng dụng trong cơ quan Nhà nước được chuyển đổi địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6)	60%	80%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
24.	Tỷ lệ hệ thống thông tin các cơ quan Nhà nước và các đơn vị tham gia mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối, giám sát từ hệ thống điều hành, an toàn, an ninh mạng của	80%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	tỉnh (SOC)						14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
25.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước có tham gia khai thác nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	60%	80%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
26.	Tỷ lệ cơ quan Nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	80%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
27.	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	30%	> 50%	Thanh tra TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
28.	Năm 2024, chọn thí điểm 02 phường thực hiện chuyển đổi số. Đến năm 2025, có 50% phường thực hiện chuyển đổi số		02 phường	>50% đơn vị phường thực hiện chuyển đổi số	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
29.	Tỷ lệ triển khai thí điểm, thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và đảm bảo an toàn thông tin cá nhân	50% đơn vị; Trong đó chọn 05 phường	70% đơn vị. Trong đó chọn 08 phường	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
30.	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan Nhà nước và lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước hàng năm được tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức về chuyển	60%	80%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	đổi số, kỹ năng số, công nghệ số						14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
31.	Tỷ lệ số người dân trong độ tuổi lao động biết đến và có kỹ năng sử dụng các loại hình dịch vụ công trực tuyến và các dịch vụ số thiết yếu khác trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, du lịch, ngân hàng; cơ bản nắm được cách thức sử dụng dịch vụ khi có nhu cầu	50%	60%	70%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
32.	Tỷ lệ số phường trên địa bàn với đội ngũ thành viên được thường xuyên đào tạo, cập nhật kiên thức, kỹ năng làm nòng cốt cho tiến trình Chuyển đổi số trong các ngành, các cấp	60%	70%	>80%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
33.	Tỷ lệ cán bộ chuyên trách Chuyển đổi số, công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước hàng năm được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ số và được đánh giá kết quả	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	đào tạo						14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
34.	Tỷ lệ người dân được tiếp cận với dữ liệu mở của cơ quan Nhà nước thông qua Cổng dữ liệu của tỉnh đến phường tuyên truyền người dân về cách sử dụng dữ liệu mở của tỉnh	90%	90%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
35.	Tỷ lệ người nông dân có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp, nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến người tiêu dùng	60%	80%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
36.	Tỷ lệ người nông dân đều có khả năng truy cập, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng truy xuất nguồn gốc, giảm sự phụ thuộc vào các khâu trung gian từ sản xuất, phân phối đến	60%	80%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	người tiêu dùng						14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
37.	Tỷ lệ phường có Trang thông tin điện tử của UBND phường để phổ biến thông tin thiết yếu và tương tác với người dân	100%	100%	100%	UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
38.	Tỷ lệ phường có bảng tin điện tử công cộng để phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân	04 phường	07 phường	11 phường	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
39.	Thành phố có cơ sở truyền thông chuyển sang mô hình sản xuất nội dung truyền thông đa phương tiện			Triển khai năm 2025	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
40.	Thành phố có bảng tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, màn hình LCD) được kết nối với Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh		Triển khai năm 2024		Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
41.	Thành phố kết nối, chia sẻ thông tin thiết yếu thuộc lĩnh vực quản lý với	Triển khai năm			Phòng Văn hóa và Thông tin	Các ban, ngành thành	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	2023			TPVL	phố	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
42.	Tỷ lệ thông tin thiết yếu phổ biến đến người dân trên địa bàn thành phố được cung cấp trên Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền ở cơ sở	30%	70%	100%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
43.	Tỷ lệ văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên và báo cáo, thống kê từ cơ sở về hoạt động thông tin cơ sở được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin nguồn trung ương và Hệ thống thông tin nguồn của tỉnh	30%	70%	100%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
44.	Tỷ lệ trả lời kịp thời ý kiến phản ánh của người dân về hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật ở cơ sở được tiếp nhận trên ứng dụng thiết bị di động thông minh, Cổng thông tin điện tử của thành phố	90%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
45.	Đài Truyền thanh phường có dây/không dây FM chuyển đổi sang truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	30% đơn vị cấp phường	70% đơn vị cấp phường	100%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
							Long
46.	Tỷ lệ đơn vị cấp phường sử dụng phổ biến công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) kết hợp với công nghệ xử lý dữ liệu lớn (Big Data) trong sản xuất nội dung chương trình phát thanh; chuyển đổi nội dung văn bản sang giọng nói	30% đơn vị cấp phường	70% đơn vị cấp phường	100%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
47.	Tỷ lệ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở cấp thành phố và phường được đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ để khai thác, biên soạn tài liệu, lưu trữ thông tin, quản lý và vận hành thiết bị kỹ thuật hiện đại phù hợp với vị trí việc làm	80%	90%	100%	Cơ quan, ban ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
48.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà trường	50%	70%	100%	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
49.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng sổ quản lý điện tử	20%	40%	70%	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
50.	Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin; tăng cường triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin; cơ quan ban ngành thành phố và UBND 11 phường kết nối mạng diện rộng và được đảm bảo kiểm tra việc an toàn thông tin từ Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	70%	90%	100%	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
51.	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ thành phố đến phường	20%	30%	40%	UBND 11 phường	Công an TPVL, Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
52.	Tỷ lệ hệ thống thông tin trên địa bàn thành phố liên quan đến người dân, doanh nghiệp đưa vào vận hành, khai	40%	50%	60%	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp được số hóa và lưu trữ tại các kho dữ liệu mở của tỉnh (dữ liệu lớn, big data), cơ sở dữ liệu quốc gia mà không phải cung cấp lại						UBND tỉnh Vĩnh Long
53.	Tỷ lệ các thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được định danh, xác thực điện tử hoặc xác thực, chia sẻ dữ liệu dân cư	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND&UBND TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
54.	Tỷ lệ hồ sơ về dân cư được tạo, lưu trữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	100%	100%	100%	Công an TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
55.	Tỷ lệ mẫu đơn, tờ khai có thông tin công dân được chuẩn hóa thống nhất theo yêu cầu từ dữ liệu gốc của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	50%	50%	50%	Công an TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
56.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập	90%	95%	100%	Công an TPVL	Phòng Tư pháp, UBND	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	cảnh, cấp Căn cước công dân					11 phường	UBND tỉnh Vĩnh Long
57.	Tỷ lệ thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến dân cư được cắt giảm, đơn giản hóa so với thời điểm triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Vĩnh Long	50%	50%	50%	Công an TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
58.	Tỷ lệ hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại cấp thành phố được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	80%	>80%	>80%	Các ban, ngành thành phố	Công an TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
59.	Tỷ lệ hồ sơ công việc liên quan đến quản lý dân cư tại phường được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	60%	>60%	>60%	UBND 11 phường	Công an TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
60.	100% các cơ quan, ban, ngành thành phố , UBND 11 phường xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin khi ứng dụng công nghệ	80%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	thông tin trong hoạt động						
61.	Tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ mất an toàn thông tin và các kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng cho người dân, doanh nghiệp	60%	70%	80%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
62.	Tỷ lệ người đứng đầu các cơ quan, tổ chức nhà nước trên địa bàn thành phố được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan	80%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
63.	Tỷ lệ Cổng/Trang thông tin điện tử thành phố và 11 phường được tích hợp, kết nối lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh	100%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Văn phòng HĐND& UBND TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
64.	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	60%	70%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Thành tra TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
65.	Chuẩn hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Các doanh nghiệp liên quan	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
66.	Rà soát, sửa đổi, tham mưu ban hành các văn bản, hướng dẫn về phát triển dữ liệu số, tài sản dữ liệu, mua bán dữ liệu, dịch vụ dữ liệu để tạo thị trường dữ liệu phát triển lànhmạnh, an toàn	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
67.	Tham mưu xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
68.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bản sao số,	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Các ban, ngành thành phố và UBND 11	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	chuỗi khối, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn thành phố				phường		UBND tỉnh Vĩnh Long
69.	Tham mưu xây dựng và chuyển giao các mô hình kinh doanh mới, mô hình mẫu về chuyển đổi số, kinh tế số	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng Kinh tế TPVL	Các cơ quan, ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
70.	Bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định, hoạch định chính sách và bảo đảm an toàn thông tin mạng	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
71.	Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng hỗ trợ triển khai chính quyền số, kinh tế số và xã hội số đến từng khóm với nòng cốt là đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin, có sự tham gia của Đoàn Thanh niên, Hội	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL, các ban, ngành thành phố, UBND 11	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tại mỗi địa phương					phường, Thành đoàn và đại diện các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	
	II. KINH TẾ SỐ						
72.	Tỷ lệ sản phẩm OCOP được đưa lên sàn thương mại điện tử nội địa	90%	95%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
73.	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố thực hiện chuyển đổi số	50%	80%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long;.

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
74.	Số lượng sản phẩm, hàng hóa ứng dụng các công nghệ số truy xuất nguồn gốc, đáp ứng tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế nhằm tăng năng lực cạnh tranh, thúc đẩy tiêu thụ các mặt hàng chủ lực của thành phố	1 sản phẩm	2 sản phẩm	3 sản phẩm	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
75.	Tỷ lệ hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ đều có thể dễ dàng trải nghiệm sử dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ sản xuất, kinh doanh; dễ dàng gửi nhận hóa đơn điện tử với nhau và với cơ quan thuế sử dụng nền tảng công nghệ số	80%	90%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
76.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được cập nhật thông tin, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	10%	15%	20%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
77.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa được trải nghiệm các nền tảng số để chuyển đổi số doanh nghiệp	5%	10%	>15%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
78.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố ứng dụng các hình thức thương mại điện tử	5%	10%	15%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
79.	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có trang thông tin riêng để quảng bá thương hiệu, sản phẩm	5%	10%	15%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường và các doanh nghiệp trên địa bàn	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
80.	Tỷ lệ cơ quan xúc tiến thương mại được cấp tài khoản trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số và 30% trong số này phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin	70%	90%	100%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
81.	Tỷ lệ cơ quan xúc tiến thương mại, cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số phát sinh giao dịch và chia sẻ thông tin	10%	20%	30%	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
82.	Tuyên truyền thúc đẩy người dân sử dụng phương thức thanh toán điện tử ở các dịch vụ như: Thanh toán tiền điện, nước, học phí, Internet, y tế...	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long, Các Ngân hàng thương mại trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
83.	Tỷ lệ dân số tham gia mua sắm trực tuyến	20%	30%	40%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Kinh tế TPVL, Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
84.	Tỷ lệ số phường và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn thành phố có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến	30%	40%	50%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Kinh tế TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
85.	Tỷ lệ giao dịch trên Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành Công Thương	20%	40%	60%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Kinh tế TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
86.	Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp phục vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực tăng mức độ chuyển đổi số	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp, Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
87.	Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển	Hoàn thành các	Hoàn thành các	Hoàn thành các	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Các ban, ngành thành phố,	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	phát và Logistic chuyển đổi số	mục tiêu của Kế hoạch	mục tiêu của Kế hoạch	mục tiêu của Kế hoạch	TPVL	UBND 11 phường, các doanh nghiệp	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
88.	Triển khai các Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Phòng Tài chính - Kế hoạch TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
89.	Hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp, cơ sở bán lẻ, cơ sở sản xuất,kinh doanh, hợp tác xã phát triển, sử dụng nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa Chuỗi cung ứng, nền tảng Thương mại số nông nghiệp, nền tảng Trí tuệ nhân tạo, nền tảng Trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT của Việt Nam	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng Tài chính - Kế hoạch TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
90.	Tuyên truyền hoạt động thương mại điện tử của tỉnh, các chính sách hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, quảng bá các Sàn thương mại điện tử trong tỉnh đặc biệt là Sàn giao dịch thương mại điện tử ngành công thương Vĩnh Long, (https://trade.vinhlong.gov.vn), các	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	UBND 11 phường	Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	Sàn giao dịch nông sản Vĩnh Long (http://www.nsvl.com.vn), các Sàn thương mại điện tử Postmart, Voso,... trên các phương tiện hệ thống thông tin cơ sở						
91.	Vận động các tổ chức cá nhân tham gia vào hoạt động thương mại điện tử, các chương trình chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn thành phố Vĩnh Long	Thường xuyên	Thường xuyên	Thường xuyên	Phòng Kinh tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, Thành đoàn Vĩnh Long, Hội Nông dân, Hội LH Phụ nữ thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
	III. XÃ HỘI SỐ						
92.	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	100%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
93.	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng truy	84%	93%	100%	Các ban, ngành thành phố và	Phòng Văn hóa và Thông tin	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	cập Internet cáp quang băng rộng				UBND 11 phường	TPVL	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
94.	Tỷ lệ đơn vị cấp phường được phủ hạ tầng mạng băng rộng cáp quang	100%	100%	100%	UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
95.	Tỷ lệ dân số được phủ sóng mạng di động 4G/5G…	100%	100%	100%	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp viễn thông	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
96.	Tỷ lệ dân số sử dụng điện thoại	75%	90%	100%	Các ban, ngành thành phố,	Phòng Văn hóa và Thông tin	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	thông minh				UBND 11 phường, các doanh nghiệp viễn thông	TPVL	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
97.	Tỷ lệ dân số của thành phố có tài khoản thanh toán điện tử	30%	40%	>50%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh Vĩnh Long	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các doanh nghiệp	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
98.	Tỷ lệ người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới mỗi người đều có điện thoại thông minh	80%	90%	100%	Công an TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
99.	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức	50%	80%	100%	Phòng Y tế	Các ban, ngành thành phố,	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	khỏe cá nhân				TPVL	UBND 11 phường, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
100.	Tỷ lệ Trạm y tế phường đều triển khai hoạt động quản lý trạm y tế phường trên môi trường số	50%	80%	100%	Phòng Y tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
101.	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế	50%	80%	100%	Phòng Y tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
102.	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh, bao gồm Trạm y tế phường có triển khai	50%	60%	>70%	Phòng Y tế	Các ban, ngành thành phố,	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa				TPVL	UBND 11 phường, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
103.	Tỷ lệ Bệnh viện, Trung tâm y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị y tế, giá khám chữa bệnh	50%	80%	100%	Phòng Y tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
104.	Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số	100% (hộ gia đình phường đô thị văn minh)	100% (hộ gia đình phường đô thị văn minh)	100% (hộ gia đình phường đô thị văn minh)	UBND 11 phường, các doanh nghiệp viễn thông	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
105.	Tăng tỷ lệ người dân ở độ tuổi lao động có khả năng tiếp cận cơ hội	50%	60%	70%	Phòng Lao động - Thương binh	Các ban, ngành thành phố,	Quyết định số 742/QĐ-UBND

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	việc làm, tiếp cận các khóa học kỹ năng trực tuyến được cá nhân hóa cho đối tượng người học và mở rộng ra toàn xã hội, bao gồm cả những khóa học cơ bản, góp phần nâng cao kỹ năng số của xã hội, xóa mù công nghệ số cho người dân				và Xã hội TPVL	UBND 11 phường	ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
106.	Tỷ lệ người dân các phường có thể truy cập hồ sơ bệnh án điện tử và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt	50%	60%	>70%	Phòng Y tế TPVL	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, các cơ sở y tế trên địa bàn TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
107.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông có tổ chức các hoạt động giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	40%	45%	50%	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Các cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ thông trên địa bàn TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023
108.	Tỷ lệ cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố triển khai nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa và có thể chia sẻ tài	50%	60%	>70%	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Các cơ sở giáo dục các cấp từ tiểu học đến trung học phổ	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	nguyên dạy và học					thông trên địa bàn TPVL	Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
109.	Tỷ lệ học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập trên địa bàn thành phố	50%	80%	100%	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn TPVL	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
110.	Tỷ lệ trường phổ thông triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số, triển khai học liệu số	50%	60%	70%	Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn TPVL	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
111.	Tỷ lệ cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học trên môi trường số. Triển khai học liệu số, thanh toán học phí không dùng				Các cơ sở giáo dục, trường học trên địa bàn TPVL	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long ; Kế hoạch số

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	tiền mặt						147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long.
112.	Tỷ lệ thư viện trường Trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn thành phố có trang thông tin điện tử có khả năng cung cấp dịch vụ trực tuyến trên nhiều phương tiện truy cập (trừ các dịch vụ thuộc phạm vi bí mật nhà nước và dịch vụ đọc hạn chế)	15%	20%	25%	Các trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
113.	Tỷ lệ các trường được tuyên truyền, phổ biến về các nguy cơ và kỹ năng cần thiết để tương tác lành mạnh, an toàn trên không gian mạng	60%	70%	>80%	Các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
114.	Tỷ lệ các trường được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn khả năng đọc tin, tư duy phê phán, phản biện về các thông tin sai lệch trên mạng	30%	40%	50%	Các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông trên địa bàn thành phố,	Phòng Giáo dục và Đào tạo TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
115.	Định kỳ hàng năm, dự báo về nhu cầu thị trường nhân lực và tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng trên địa bàn thành phố để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế, giới thiệu một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội TPVL	Các ban, ngành thành phố, các doanh nghiệp	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
116.	Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp, mỗi người dân đến tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, phương tiện số và được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
117.	Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
118.	Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
119.	Phát triển nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến mọi vấn đề đời sống kinh tế, xã hội	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Các ban, ngành thành phố, UBND 11 phường, Tổ công nghệ số cộng đồng	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long
120.	Hiện đại hóa mạng lưới và dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát theo hướng bưu chính sẽ phát triển thành hạ tầng cho thương mại điện tử, logistics	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL, các doanh nghiệp bưu chính chuyển phát	Các ban, ngành thành phố và UBND 11	Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long
121.	Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong phát triển chính quyền số gắn kết với phát triển đô thị thông minh trên địa bàn thành	Hoàn thành các mục tiêu của	Hoàn thành các mục tiêu	Hoàn thành các mục tiêu của	Phòng Văn hóa và Thông tin TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Kế hoạch số 147-KH/TU ngày 14/3/2023 của Thành ủy Vĩnh Long

TT	Nhiệm vụ chuyển đổi số trọng tâm	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Căn cứ pháp lý
	phố, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng có hiệu quả, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư	Kế hoạch	của Kế hoạch	Kế hoạch			
122.	Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và quản lý đô thị thông minh theo Quyết định số 950/QĐ-TTg, ngày 01/8/2018 của Thủ tướng về phê duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó, các lĩnh vực cần ưu tiên: Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quy hoạch và quản lý thực hiện quy hoạch; Công bố công khai quy hoạch; Ứng dụng GIS trong quản lý cấp nước, vệ sinh môi trường đô thị; Cấp phép xây dựng thông minh;...	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch	Phòng Quản lý đô thị TPVL	Các ban, ngành thành phố và UBND 11 phường	Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long